

## TÁC ĐỘNG CỦA CHIẾN TRANH TRIỀU TIÊN 1950-1953 ĐẾN NHẬT BẢN VÀ QUAN HỆ NHẬT - MỸ GIAI ĐOẠN 1951-1960

Hoàng Thị Mai Hương <sup>(1)</sup>, Lê Thế Cường <sup>(2)</sup>

<sup>1</sup> Trường Cao đẳng Công đồng Hưng Yên

<sup>2</sup> Trường Đại học Vinh

Ngày nhận bài 07/5/2022, ngày nhận đăng 13/6/2022

DOI: <https://doi.org/10.56824/vujs.2022sh06>

**Tóm tắt:** Chiến tranh Triều Tiên 1950-1953 là một trong những điểm nóng của Chiến tranh lạnh. Nhật Bản là quốc gia láng giềng với Triều Tiên, có vị trí chiến lược quan trọng ở châu Á - Thái Bình Dương, có mối quan hệ đặc biệt với Hoa Kỳ, nên chắc chắn chịu nhiều tác động từ cuộc chiến tranh này. Trong phạm vi bài viết này, chúng tôi phân tích sâu ở góc nhìn mới về những tác động đa chiều của Chiến tranh Triều Tiên đến an ninh, chính trị, kinh tế của Nhật Bản và quan hệ Nhật - Mỹ trong giai đoạn 1951-1960. Bài viết cho thấy Chiến tranh Triều Tiên là cơ sở để Mỹ ký kết hiệp ước hòa bình, hiệp ước an ninh song phương với Nhật Bản; làm cho quan hệ an ninh, kinh tế hai nước phát triển và gắn bó chặt chẽ hơn, thay đổi rõ nét tình hình kinh tế Nhật Bản giai đoạn đầu, tạo cơ sở cho Nhật Bản cất cánh trong thập niên 50.

**Từ khóa:** Chiến tranh Triều Tiên; quan hệ Mỹ - Nhật; Mỹ; Nhật; 1951-1960.

### 1. Đặt vấn đề

Sự phát triển thần kỳ của Nhật Bản và sự thay đổi bước ngoặt trong quan hệ Mỹ - Nhật sau năm 1945, đặc biệt là trong và sau Chiến tranh Triều Tiên đã được nhiều học giả trong và ngoài nước quan tâm nghiên cứu.

Hầu hết các học giả tiếp cận ở góc độ xem Chiến tranh Triều Tiên như là mấu chốt để Mỹ thay đổi chính sách với Nhật Bản nhằm đảm bảo Nhật Bản trở thành bức tường thành chống lại chủ nghĩa cộng sản ở châu Á. Do đó, các nghiên cứu tập trung vào vai trò trung tâm của Mỹ đối với sự phục hồi, phát triển kinh tế của Nhật Bản trong giai đoạn 1950-1960 hoặc xu hướng nghiêng về vai trò của Mỹ nhiều hơn trong nghiên cứu tác động Chiến tranh Triều Tiên đối với sự phát triển thần kỳ của Nhật Bản và quan hệ Mỹ - Nhật.

Bài viết xem xét tác động của Chiến tranh Triều Tiên đối với Nhật Bản và quan hệ Nhật - Mỹ dưới góc nhìn tổng thể, xác định vị trí của sự kiện này trong chuỗi biến động liên tục của quan hệ quốc tế ở châu Á - Thái Bình Dương, từ đó chỉ ra tác động đến Nhật Bản và quan hệ Nhật - Mỹ. Mặt khác, bài viết nhìn nhận từ góc độ Nhật Bản trong quan hệ Mỹ - Nhật để thấy rõ hơn về quan điểm, chính sách đối ngoại của Nhật Bản giai đoạn này. Thực chất, Chiến tranh Triều Tiên có phải là sự kiện mấu chốt thúc đẩy quan hệ Nhật - Mỹ hay không? Vị trí của Chiến tranh Triều Tiên trong sự phát triển thần kỳ của Nhật Bản?

## 2. Nội dung

### 2.1. Vị trí địa chính trị của Nhật Bản và bối cảnh Châu Á - Thái Bình Dương sau năm 1945

Nhật Bản có vị trí địa chiến lược quan trọng ở Đông Bắc Á, có vùng biển tiếp giáp với Liên Xô, Trung Quốc, Triều Tiên và Đông Nam Á. Sau Hội nghị Yalta, sự phân cực và ưu thế của chủ nghĩa cộng sản trên lãnh thổ Triều Tiên, Trung Quốc, Đông Dương đã buộc Mỹ từng bước có những toan tính nhằm duy trì vị thế ở khu vực này. Sau Hội nghị Moscow (12/1945), với lợi thế đại diện lực lượng Đồng minh thực hiện chế độ quân quản Nhật Bản, Mỹ đã thực hiện cải cách và xác lập vị thế của mình trên lãnh thổ Nhật. Chuỗi các sự kiện bất ổn đối với vị thế Mỹ trên vòng cung chiến lược Đông Bắc Á - Đông Nam Á đã biến Nhật Bản trở thành lựa chọn tốt nhất bởi vị trí địa lý chiến lược của nó, bất chấp tâm lý thù hận của người Mỹ đối với người Nhật trong Chiến tranh thế giới thứ hai chưa thể xóa nhòa.

Sự thay đổi bước ngoặt trong chính sách của Mỹ đối với Nhật Bản trước hết không phải là vấn đề Triều Tiên mà là vấn đề Trung Quốc. Trung Quốc là “nơi mà Mỹ đã bỏ công sức nhiều nhất trong thời kỳ 1947-1949, hy vọng rằng sẽ tiêu diệt lực lượng cách mạng và đạt được nền thống trị trên lục địa trên 700 triệu người” (Vũ Dương Ninh, 2006, tr. 314). Trải qua hơn 3 năm chiến tranh, phần thắng đã thuộc về Đảng Cộng sản với sự ra đời của nước CHND Trung Hoa (1/10/1949). Sự kiện này đã giáng một đòn mạnh mẽ vào chính sách “ngăn chặn” của Mỹ, “Trung Quốc đỏ” trở thành “một kẻ thù đáng ngại hơn Liên Xô” (B. W. Jentleson, 2004, tr. 317). “Con bài” Tưởng Giới Thạch thất bại đồng nghĩa với âm mưu biến Trung Quốc thành bức tường ngăn cản chủ nghĩa cộng sản ở châu Á của Mỹ cũng thất bại. Bên cạnh đó, việc tái chiếm Đông Dương và sự sa lầy của người Pháp trên chiến trường này tiếp tục thúc đẩy sự lo ngại của người Mỹ. Từ chỗ trung lập và không can thiệp, từ năm 1949, Mỹ chính thức viện trợ cho Pháp, dính líu và từng bước can thiệp sâu vào Việt Nam, “bỏ tiền, bỏ sức ra giúp Pháp và chính quyền Bảo Đại tiến hành chiến tranh” (Trương Tiểu Minh, 2002, tr. 128). Trong bối cảnh ấy, Nhật Bản và Đài Loan là hai lựa chọn khả dĩ nhất trong con mắt của các chiến lược gia Mỹ.

Rõ ràng, Chiến tranh Triều Tiên không phải là sự kiện duy nhất / cốt lõi thúc đẩy quan hệ Nhật - Mỹ, nhưng đây lại là sự kiện trực tiếp nhất đẩy nhanh quá trình hình thành liên minh Nhật - Mỹ. Hội nghị Yalta (2/1945) xác định Triều Tiên được chia làm hai miền, lấy vĩ tuyến 38<sup>0</sup> làm giới tuyến tạm thời, miền Bắc thuộc quyền quân quản của Liên Xô, miền Nam thuộc quyền quân quản của Mỹ, tiến tới thành lập một chính phủ thống nhất ở Triều Tiên. Ở miền Nam, ngày 10/5/1948, một cuộc bầu cử quốc hội được tiến hành, Lý Thừa Vãn lên nắm chính quyền, thành lập nước Đại Hàn Dân Quốc (Hàn Quốc). Ở miền Bắc, Hội nghị nhân dân toàn Triều Tiên được bầu đã tuyên bố thành lập nước Cộng hòa Dân chủ nhân dân Triều Tiên (9/9/1948), cử Chính phủ do Kim Nhật Thành đứng đầu.

Ngày 25/6/1950, quân đội Bắc Triều Tiên đã vượt qua vĩ tuyến 38, tấn công Hàn Quốc, chiếm 95% đất đai và 97% dân số ở miền Nam (Nguyễn Anh Thái, 2005, tr. 239). Trước tình đó, Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc ra Nghị quyết yêu cầu Mỹ cử Tư lệnh lực lượng thống nhất của Liên hợp quốc đến Triều Tiên. Ngày 15/9/1950, dưới danh nghĩa quân đội Liên hợp quốc, quân Mỹ và 14 nước đồng minh đã đổ bộ vào Triều Tiên, đẩy

lũ quân đội Bắc Triều Tiên khởi miền Nam và đánh chiếm miền Bắc. Ngày 5/10/1950, Trung Quốc phái quân chí nguyện sang “kháng Mỹ viện Triều” và đẩy lùi quân Mỹ khỏi vĩ tuyến 38. Từ tháng 7/1951 đến tháng 7/1953, các cuộc đàm phán đã dẫn tới Hiệp định đình chiến được ký kết tại Bàn Môn Điếm. Theo Hiệp định, vĩ tuyến 38 được chọn làm ranh giới quân sự giữa hai miền, thiết lập một khu phi quân sự rộng 4 km để ngăn cách quân đội giữa hai bên. Kể từ đó CHDCND Triều Tiên và Hàn Quốc phát triển theo hai hướng khác nhau, đối lập nhau.

Rõ ràng, trước sự thất bại của Tưởng Giới Thạch ở Trung Quốc, Mỹ đã hành động quyết liệt hơn ở Triều Tiên. Khi nhận được tin tức quân đội Bắc Triều Tiên tấn công miền Nam khiến Washington “như tổ ong bị ném đá”, không một quan chức Mỹ nào nghĩ rằng Chiến tranh Triều Tiên là một cuộc nội chiến mà cho rằng cuộc chiến này thể hiện sự “xâm lược” của Liên Xô thông qua một chế độ bù nhìn. Bộ Ngoại giao Mỹ lập luận rằng “không có khả năng Bắc Triều Tiên hành động mà không có chỉ thị trước từ Moscow” (Kim Nam G, 1995, tr. 78). Trong bối cảnh đó, để thực hiện chính sách ngăn chặn, Mỹ dồn rất nhiều công sức vào cuộc chiến tranh này, một mặt xây dựng quân đội Nam Triều Tiên vừa ở at đưa quân vào bán đảo Triều Tiên. Mặc dù có tới 14 nước gửi quân đội đến tham chiến dưới lá cờ của Liên hợp quốc ở Triều Tiên, tuy nhiên lực lượng của Mỹ vẫn chiếm đa số với 50,3% bộ binh, 85,9% hải quân, 93,4% không quân (Lê Văn Quang, 1997, tr. 240-241).

Như vậy, Chiến tranh Triều Tiên trở thành một tâm điểm sau một chuỗi dài thất thế trong địa vị của Mỹ ở Đông Á. Trong bối cảnh thất bại của Tưởng Giới Thạch và căng thẳng ở eo biển Đài Loan, chiến sự giằng co ở Triều Tiên, áp lực “làn sóng đỏ” ở Đông Dương, việc lựa chọn một đồng minh chiến lược, một căn cứ quân sự - hậu cần ở khu vực này đã biến Nhật Bản trở thành lựa chọn số một của Mỹ. Ngày 8/9/1951, trong khi chiến sự ở Triều Tiên đang giằng co, vừa đánh vừa đàm, Hiệp ước hòa bình San Francisco với Nhật Bản ký kết đánh dấu quan hệ đồng minh Nhật - Mỹ ra đời.

## **2.2. Tác động của Chiến tranh Triều Tiên đến quan hệ Nhật - Mỹ**

Trước hết, Chiến tranh Triều Tiên làm thay đổi chính sách của Mỹ với Nhật Bản, tạo ra tình thế “đảo ngược” trong mối quan hệ này. Khi chiếm đóng Nhật Bản, lúc đầu Mỹ chỉ định duy trì một nước Nhật yếu ớt cả về kinh tế, chính trị và quân sự để đảm bảo quốc gia này không trở thành đối thủ cạnh tranh của Mỹ. Tuy nhiên, khi Chiến tranh lạnh bùng nổ, Chiến tranh Triều Tiên thực sự là một mối đe dọa đối với lợi ích, địa vị và an ninh của Mỹ ở Nhật Bản. Bộ Ngoại giao Mỹ cho rằng nếu cộng sản “chiếm hữu Triều Tiên sẽ vô hiệu hóa sự hữu dụng của Nhật Bản như một căn cứ của Mỹ” (Irie Akira, 2013, tr. 151). Ngoại trưởng Mỹ J. Dulles còn lập luận rằng nếu cộng sản thống trị Hàn Quốc, thì “Nhật Bản sẽ ở giữa hàm của gấu Nga”. Các quan chức Washington cũng nhấn mạnh khả năng Liên Xô sẽ tấn công Nhật Bản. Cơ quan Tình báo Trung ương Mỹ (CIA) báo cáo rằng Liên Xô có khả năng “vận chuyển và hỗ trợ hậu cần cho một cuộc tấn công đường thủy vào Nhật Bản với 10 đến 11 sư đoàn (mỗi sư đoàn 11.000 người)” (Memorandum by the Central Intelligence Agency to the President, 1950). Với những nhận thức đó, Mỹ không thể cho phép cộng sản kiểm soát toàn bộ bán đảo Triều Tiên và Mỹ quyết tâm bảo vệ Nhật Bản. Vì vậy, Mỹ thay đổi chính sách đối với Nhật Bản, Mỹ chủ trương muốn thúc đẩy sự phục hồi của Nhật Bản, sử dụng sức mạnh kinh tế và quân

sự, biến Nhật Bản thành đối trọng của chủ nghĩa cộng sản, thành bức tường bao vây Liên Xô và “ngăn chặn” làn sóng của chủ nghĩa cộng sản đang lan tràn ở châu Á.

Chiến tranh Triều Tiên bùng nổ đã khiến vấn đề an ninh của Nhật Bản được đặt lên hàng đầu. Theo Báo cáo của Bộ Ngoại giao Mỹ ngày 25/6/1950, nếu miền nam Triều Tiên rơi vào tay cộng sản thì có nhiều hệ quả tai hại, trong đó có việc “sẽ mang lại cho Moscow một vũ khí quan trọng để đe dọa Nhật Bản liên minh với Mỹ trong tương lai” (Kim Nam G, 1995, tr. 62). Vị trí của Triều Tiên thực sự đặc biệt quan trọng đối với an ninh của Nhật Bản cũng như chính sách của Mỹ ở châu Á nên Mỹ hết sức lo lắng. Giới lãnh đạo Mỹ nhận thức rằng mục tiêu cuối cùng của cuộc “xâm lược” mà cộng sản tiến hành vào Hàn Quốc là Nhật Bản nên đã khẳng định Hàn Quốc đóng vai trò quan trọng đối với sự phòng thủ của Nhật Bản. Theo quan điểm của người Mỹ, Chiến tranh Triều Tiên đã hợp nhất ba quốc gia Hàn Quốc, Mỹ và Nhật Bản thành một đơn vị an ninh. Trong đó, an ninh Nhật Bản là yếu tố quyết định gắn kết ba quốc gia đó lại với nhau theo chính sách “ngăn chặn” của Mỹ. Trưởng ban Các vấn đề Đông Bắc Á của Chính phủ Mỹ Bishop tuyên bố: “Nếu sự thống trị của cộng sản đối với toàn bộ bán đảo Triều Tiên trở thành hiện thực, các đảo của Nhật Bản sẽ bị bao vây ba mặt bởi một vòng cung liên tục của cộng sản. Các cực của quần đảo Nhật Bản hầu như nằm trong tầm bắn của quân đội Liên Xô từ các đồn ở Sakhalin và Kuriles ở phía Đông Bắc và các vị trí của cộng sản ở miền nam Triều Tiên ở phía tây nam” (Kim Nam G, 1995, tr. 51). Đô đốc Forrest P. Sherman, Chỉ huy Lực lượng Hải quân Mỹ cũng chỉ ra rằng “Triều Tiên là một mối đe dọa chiến lược đối với Nhật Bản”. Các quan chức Washington đã liên kết an ninh Nhật Bản với vấn đề Triều Tiên và đi đến thống nhất: “Cần đẩy ra khỏi lục địa châu Á một con dao găm nhằm vào Nhật Bản” (Kim Nam G, 1995, tr. 63). Bản thân Thủ tướng Nhật Bản Yoshida cũng khẳng định rằng Chiến tranh Triều Tiên là một mối đe dọa đối với an ninh của Nhật Bản: “Các hành động thù địch trên bán đảo Triều Tiên sẽ gây nguy hiểm trực tiếp cho Nhật Bản. Nó chứng tỏ mối đe dọa thực sự và sắp xảy ra của chủ nghĩa cộng sản... Bản thân đất nước chúng ta không thể nói là thoát khỏi nguy hiểm” (Kim Nam G, 1995, tr. 69-70).

Đặc biệt, việc quân Liên hợp quốc do Mỹ chỉ huy bị quân đội Bắc Triều Tiên và quân chí nguyện của Trung Quốc đẩy lùi trên các mặt trận vào cuối năm 1950 càng củng cố niềm tin của John Foster Dulles và các chính trị gia Mỹ về sự cần thiết phải nhanh chóng ký hoà ước với Nhật Bản, “đắp con đê ngăn làn sóng đỏ” ở châu Á - Thái Bình Dương.

Bởi vậy, cùng với việc khi Tưởng Giới Thạch thất bại ở Trung Quốc và Chiến tranh Triều Tiên nổ ra, vị trí của Nhật Bản trở nên quan trọng hơn bao giờ hết trong chiến lược toàn cầu của Mỹ, Mỹ chuyển vai trò đồng minh chủ chốt sang Nhật Bản và nhanh chóng xúc tiến các hoạt động đàm phán với Nhật Bản. Chính phủ Mỹ vẫn công khai tuyên bố rằng việc ký hoà ước với Nhật Bản không chỉ đơn thuần là vấn đề thủ tiêu tình trạng chiến tranh với Nhật Bản, mà trước hết là nhằm “thiết lập một pháo đài hùng mạnh chống lại nguy cơ xâm lược của chủ nghĩa cộng sản” (Lê Văn Quang, 1997, tr. 250). Cuộc Chiến tranh Triều Tiên “đã trở thành yếu tố quyết định sự đối đầu Mỹ - Xô và Mỹ - Trung ở châu Á và Nhật Bản là căn cứ của Mỹ đương nhiên cũng bị cuốn vào quan hệ đối lập này” (Irie Akira, 2013, tr. 255). Là nước nằm gần kề Trung Quốc và Triều Tiên, Nhật Bản bị hút vào quỹ đạo của chiến tranh.

Ngày 8/9/1951, Hiệp ước hòa bình San Francisco và Hiệp ước an ninh Nhật - Mỹ (ký sau Hiệp ước hoà bình San Francisco 5 giờ) được Nhật Bản kí kết đánh dấu quan hệ đồng minh Nhật - Mỹ ra đời. Đây là sự kiện quan trọng trong lịch sử Nhật Bản, mở ra một giai đoạn phát triển mới của quốc gia này. Vào ngày hai hiệp ước này có hiệu lực (28/4/1952), Chính phủ Mỹ tuyên bố thủ tiêu Bộ Chỉ huy quân đội chiếm đóng ở Nhật Bản cùng những hạn chế trên Hiến pháp về chủ quyền của Nhật Bản; hủy bỏ quyền phê chuẩn ngân sách quốc gia, quyền phê duyệt trước những dự luật của Nhật Bản chuẩn bị ban bố, trao cho Chính phủ Nhật Bản quyền kiểm soát ngoại thương của mình. Cũng trong ngày này, Mỹ đơn phương giải tán Hội đồng Đồng minh và Ủy ban Viễn Đông về “vấn đề Nhật Bản”.

Sau khi ký kết các hiệp ước với Mỹ, đường lối đối ngoại Nhật Bản được thể hiện rõ nét trong Học thuyết Yoshida. Học thuyết Yoshida không chỉ chỉ đạo chính sách đối ngoại của Nhật Bản nói chung và đối với Mỹ nói riêng thời kỳ ông cầm quyền (1948-1954), mà còn được các thủ tướng kế tiếp Hatoyama Ichiro, Ishibashi Tanzan, Kishi Nobusuke... tiếp nhận và kế tục. Theo Yoshida, việc thân thiện với Mỹ (kể cả Anh) phải được coi là nguyên tắc chỉ đạo của ngoại giao Nhật Bản, xuất phát từ nhiều lý do. Lý do thứ nhất là chính sách thân Mỹ, Anh của Nhật Bản đã có lịch sử từ sau chiến tranh Nhật - Trung (1894 - 1895). Ông cho rằng “sự rối loạn quan hệ với Anh, Mỹ của Nhật Bản từ sự biến Mãn Châu đến chiến tranh Thái Bình Dương nếu xét về dòng chảy lớn của lịch sử thì không phải là trạng thái vốn có của Nhật Bản mà chỉ là sự điều chỉnh nhất thời mà thôi” (Irie Akira, 2013, tr. 231). Cái đó gọi là sự tin tưởng quốc tế được bồi đắp bằng quan hệ thân thiện lâu dài; và Nhật Bản cũng không việc gì phải từ bỏ chủ nghĩa thân Anh, Mỹ có tính truyền thống đó. Lý do thứ hai là khi xem xét thế giới trong sự đối lập giữa khối cộng sản và khối chống cộng thì Nhật Bản đương nhiên phải đi với phe chống cộng, nhưng mặt khác Nhật Bản cũng không thể tự mình chống lại phe cộng sản được nên đương nhiên cần tới Hiệp ước An ninh Nhật - Mỹ. Lý do thứ ba, Nhật Bản “xét về tình hình chính trị, kinh tế, công nghiệp, xã hội trong nước thì có tính Tây Âu nhiều hơn tính châu Á” (Irie Akira, 2013, tr. 232) cho nên nếu đi với các nước châu Á mới nổi, các nước Arập, châu Phi chống lại Mỹ, Anh là các nước lớn theo chủ nghĩa thực dân từ trước là “lý luận ngu xuẩn, thiếu hiểu biết tình hình”. Lý do thứ tư có lẽ là lý do quan trọng nhất, đó là yếu tố về kinh tế. Theo Yoshida thì “Nhật Bản là đất nước hải dương, rõ ràng phải thông qua buôn bán với nước ngoài để nuôi sống 90 triệu dân. Vì vậy không thể không tự mình coi trọng mối quan hệ với hai nước Anh, Mỹ là những nước có mối liên hệ thông thương với Nhật Bản phong phú nhất, kinh tế và kỹ thuật cũng tiên tiến nhất, và về lịch sử cũng có mối quan hệ sâu sắc” (Irie Akira, 2013, tr. 233).

Từ 2.1. và 2.2, có thể thấy Chiến tranh Triều Tiên như điểm nút, động lực thúc đẩy để quan hệ đồng minh Nhật - Mỹ ra đời sớm hơn. Tuy nhiên cần xem xét sự kiện này trong tổng thể diễn tiến của tình hình khu vực, quan điểm của Nhật Bản để thấy sự hình thành có tính “bước ngoặt”, “đảo lộn” của quan hệ Mỹ - Nhật là sự hội tụ của nhiều nhân tố.

### ***2.3. Chiến tranh Triều Tiên làm cho quan hệ Nhật Bản - Mỹ phát triển và gắn kết chặt chẽ hơn cả về an ninh, chính trị, quân sự và kinh tế***

Về quan hệ an ninh, chính trị, quân sự, Hiệp ước hoà bình San Francisco mà Mỹ và các nước đồng minh ký với Nhật Bản ngày 8/9/1951 là cơ sở pháp lý để Mỹ tiếp tục

ký kết Hiệp ước an ninh Mỹ - Nhật ngay sau đó 5 giờ. Với lý do tự vệ của Nhật Bản, hiệp ước đã quy định về sự tham gia của Nhật Bản trong một liên minh quân sự với Mỹ, nằm dưới sự bảo trợ của Mỹ. Cũng bởi vậy, Hiệp ước hoà bình San Francisco và Hiệp ước an ninh Mỹ - Nhật đã mở đầu cho mối quan hệ mật thiết về mặt chính trị, quân sự giữa Nhật Bản và Mỹ. Từ 1952 đến 1953, hai nước tiếp tục kí các hiệp ước hiệp định song phương, như: Hiệp định hành chính vào ngày 28/2/1952; Hiệp ước bổ sung về sử dụng lãnh thổ ký ngày 26/7/1952; Hiệp định hợp tác, buôn bán và hàng hải ký ngày 2/4/1953; Hiệp định hỗ trợ phòng thủ lẫn nhau ký ngày 8/3/1954... Như vậy, với tác động mạnh mẽ của Chiến tranh Triều Tiên, quan hệ liên minh an ninh, quân sự giữa Nhật Bản và Mỹ không ngừng củng cố và phát triển bằng các hiệp ước song phương nhằm tăng cường khả năng phòng thủ cho Nhật Bản, sẵn sàng đối phó với những mối đe dọa tương tự như cuộc Chiến tranh Triều Tiên. Người Mỹ cho rằng quan hệ liên minh Nhật Bản và Mỹ giai đoạn này là “bất khả xâm phạm”. Cựu Đại sứ Mỹ tại Nhật Bản từng nhận xét về mối liên minh này là “mối quan hệ quan trọng nhất trên thế giới” (K. E. Calder, 2009, tr. 1).

Về quan hệ kinh tế, chiến tranh Triều Tiên làm quan hệ thương mại Nhật - Mỹ phát triển mạnh mẽ. Do nhu cầu về nhu yếu phẩm, quân trang, quân dụng phục vụ cho Chiến tranh Triều Tiên, Mỹ đã có hàng loạt đơn đặt hàng quân sự cho Nhật Bản. Từ đó, Nhật Bản trở thành nơi cung cấp nhu yếu phẩm, trang thiết bị, vũ khí cho Mỹ. Trong suốt cuộc Chiến tranh Triều Tiên, Mỹ đã chi số tiền rất lớn cho khoản chi tiêu quân sự. Nếu như hai năm đầu của chiến tranh (1950-1951), con số này là 592 triệu USD, thì năm 1952 và năm 1953 đã tăng lên thành 824 và 809 triệu USD, bằng 60-70% giá trị xuất khẩu của Nhật Bản. Bởi vậy, Thống đốc Ngân hàng Trung ương Nhật Bản gọi chi tiêu của Mỹ là “viện trợ thần thánh” và nói rằng tác động của Chiến tranh Triều Tiên đối với Nhật Bản là “tương đương với Kế hoạch Marshall ở châu Âu” (A. Forsberg, 2000, tr. 84-85). Ngoài những đơn đặt hàng quân sự, cán cân thương mại Nhật - Mỹ trong giai đoạn 1950-1953 cũng tăng liên tục với giá trị lớn, Nhật Bản nhập khẩu từ Mỹ năm 1951 là 601 triệu USD, năm 1953 là 686 triệu USD; xuất khẩu năm 1951 là 205 triệu USD, năm 1953 là 262 triệu USD. Những đơn đặt hàng, khoản viện trợ hay những đầu tư của Mỹ cho Nhật Bản để sản xuất vũ khí, trang thiết bị phục vụ chiến tranh đã đưa đến những lợi ích to lớn cho Nhật Bản.

**Bảng 1:** Cán cân thương mại của Nhật Bản với Mỹ (1951-1960)

Đơn vị tính: triệu USD

| Năm  | Nhập khẩu | Xuất khẩu | Cán cân |
|------|-----------|-----------|---------|
| 1951 | 601       | 205       | 396     |
| 1952 | 633       | 229       | 404     |
| 1953 | 686       | 262       | 424     |

Nguồn: (A. Forsberg, 2000, tr. 10)

Có thể thấy, Chiến tranh Triều Tiên bùng nổ là tiền đề, điều kiện để quan hệ kinh tế Nhật - Mỹ gắn bó khăng khít. Mỹ như một người bảo trợ, giúp Nhật Bản tham gia vào cộng đồng quốc tế, dành cho Nhật những ưu tiên lớn trong những chính sách kinh tế của mình. Mỹ là thị trường xuất nhập khẩu chủ yếu và là quốc gia đầu tư lớn nhất đến Nhật Bản. Ngoài ra, Mỹ còn dành cho Nhật Bản nhiều khoản viện trợ và cho

vay, giúp kinh tế Nhật Bản phát triển. Mỹ là đối tác kinh tế số 1 của Nhật Bản trong suốt giai đoạn 1951-1960.

Chiến tranh Triều Tiên làm cho Nhật Bản trở thành căn cứ quan trọng nhất của Mỹ ở châu Á - Thái Bình Dương. Nhật Bản là nơi tập kết vũ khí, các lực lượng chiến đấu, hậu cần, nhiên liệu cho quân đội Mỹ và Liên hợp quốc. Nhật Bản đã thực sự “trở thành kho chứa vũ khí chiến tranh” (P. Calvocoressi, 2007, tr. 91). Từ các căn cứ ở Nhật Bản, các máy bay ném bom chiến thuật của Mỹ (đa số là oanh tạc cơ B-29) từ Nhật Bản trực tiếp bay sang Triều Tiên ném bom vào Bắc Triều Tiên. Các tàu chở quân đội Mỹ từ Mỹ sang phục vụ chiến tranh một bộ phận cũng được tập kết ở Nhật Bản sau đó mới di chuyển để đổ bộ vào Triều Tiên. Hơn nữa, trong chiến tranh, một bộ phận lớn quân đội chiếm đóng Nhật Bản mà Mỹ duy trì từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai cũng được điều động sang Triều Tiên tham chiến. Đội quân đó vẫn do tướng Douglas Mac Arthur chỉ huy.

Cũng từ chiến tranh Triều Tiên, công nghiệp sản xuất vũ khí của Nhật Bản được phục hồi nhanh chóng. Tháng 3/1951, Chính phủ Mỹ đã thông qua nghị quyết cung cấp không hạn chế các nguyên liệu công nghiệp cần thiết cho Nhật Bản để sản xuất phục vụ nhu cầu quân sự. Nhật tập trung sản xuất vũ khí, đạn dược, nhu yếu phẩm phục vụ cho quân đội Mỹ tham chiến ở Triều Tiên. Chỉ tính riêng thu nhập của Nhật Bản từ các đơn đặt hàng quân sự của Mỹ từ năm 1950 đến năm 1953 đã chiếm tới 43,7% tổng thu nhập xuất khẩu ngoại thương (Lê Văn Quang, 1997, tr. 240). Cũng trong thời gian này, Nhật Bản đã cung cấp cho Mỹ 2,470 tỷ đôla vũ khí và đồ quân dụng (Tùng Thiên Tân, Lương Chí Minh, 2002, tr. 297).

Hầu hết các nhà nghiên cứu đều thống nhất rằng, Chiến tranh Triều Tiên là “ngọn gió thần” hay “làn gió của Chúa” thổi vào nền kinh tế Nhật Bản. Điều quan trọng nhất dẫn đến sự phát triển bột phát của kinh tế Nhật Bản là nguồn ngoại tệ của Mỹ đổ vào nền kinh tế nước này để giải quyết các khoản chi tiêu của giới quân sự Mỹ - được gọi là thu nhập đặc biệt” (Phan Ngọc Liên, 1995, tr. 236). Tuy nhiên, cần lưu ý rằng, sự thần kỳ Nhật Bản giai đoạn 1951-1960 là sự hội tụ của nhiều nhân tố, những con số nêu trên từ tác nhân Chiến tranh Triều Tiên không quá lớn đối với một nền kinh tế trỗi dậy của Nhật Bản trong thập niên 50. Chính vì lẽ đó, Chiến tranh Triều Tiên 1950-1953 là nhân tố khách quan, là xúc tác trong giai đoạn đầu thúc đẩy quan hệ Nhật - Mỹ phát triển và tạo đà cho nền kinh tế Nhật Bản cất cánh. Những cải cách dọn đường của Mỹ ở Nhật Bản, chiến lược phát triển hợp lý kinh tế của Chính phủ Nhật Bản và sự chủ động trong quan hệ Mỹ - Nhật vẫn phải được xem xét như những nhân tố trọng yếu làm nên sự thần kỳ Nhật Bản.

### **3. Kết luận**

Quan hệ Nhật Bản - Mỹ giai đoạn 1951-1960 là một trong những mối quan hệ đặc biệt trong quan hệ quốc tế sau Chiến tranh thế giới thứ hai. Diễn trình mối quan hệ này từ thù thành bạn biến chuyển một cách nhanh chóng, mang tính đảo lộn, xoay chiều hiếm có trong một giai đoạn rất ngắn do tác động của nhiều nhân tố, đặc biệt là tác động của Chiến tranh Triều Tiên (1950-1953). Xem xét mối quan hệ này cho thấy, Mỹ và Nhật Bản đều nhận thức một cách đầy đủ ảnh hưởng của Chiến tranh Triều Tiên đối với lợi ích của Mỹ và đối với an ninh của Nhật Bản. Hai nước đã có những tính toán để đối phó với Liên Xô, Trung Quốc và Cộng hòa Dân chủ nhân dân Triều Tiên.

Chiến tranh Triều Tiên 1950-1953 có tác động mạnh mẽ đến quan hệ Nhật - Mỹ. Đây là cơ sở để Mỹ củng cố chủ trương ký kết hiệp ước hoà bình, ký hiệp ước an ninh song phương với Nhật Bản nhằm tăng cường khả năng phòng thủ cho Nhật Bản, sẵn sàng đối phó với những mối đe dọa tương tự như cuộc Chiến tranh Triều Tiên. Kiểm soát được Hàn Quốc, thiết lập đồng minh với Nhật Bản, củng cố chính quyền Đài Loan, dính líu và can thiệp vào Đông Dương, Mỹ thực sự đã nổi dài được bức tường “ngăn chặn chủ nghĩa cộng sản” ở châu Á - Thái Bình Dương. Chiến tranh Triều Tiên thực sự thúc đẩy quan hệ đồng minh Nhật - Mỹ ra đời sớm, đồng thời nó làm cho quan hệ an ninh, kinh tế hai nước phát triển và gắn bó chặt chẽ hơn.

Cuộc chiến này được ví như “ngọn gió thần” thổi tới làm thay đổi rõ nét tình hình kinh tế Nhật Bản giai đoạn đầu, tạo cơ sở cho Nhật Bản cất cánh trong thập niên 50. Nhật Bản đã trở thành căn cứ quân sự lớn nhất của Mỹ ở châu Á, ngành công nghiệp sản xuất vũ khí của nước này phục hồi và phát triển nhanh chóng. Từ một quốc gia bại trận và kiệt quệ về kinh tế xã hội sau Chiến tranh thế giới thứ hai, Nhật Bản nhanh chóng vươn mình mạnh mẽ. Có thể thấy, các nhà lãnh đạo của Nhật rất nhanh nhạy phân tích tình hình và chớp cơ hội khi Chiến tranh Triều Tiên nổ ra, tranh thủ liên minh với Mỹ để phát triển đất nước. Với sự tranh thủ đó, Nhật Bản đã chuyển mình nhanh chóng và có lẽ đây cũng là bài học lớn cho nhiều quốc gia về vấn đề tận dụng thời cơ để phát triển kinh tế.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Aaron Forsberg (2000). *America and the Japanese Miracle: The Cold War Context of Japan's Postwar Economic Revival, 1950-1960*. Chapel Hill and London: University of North Carolina Press.
- Bruce W. Jentleson (2004). *Chính sách đối ngoại Hoa Kỳ động cơ của sự lựa chọn trong thế kỷ XXI*. Hà Nội: NXB Chính trị quốc gia.
- Central Intelligence Agency (1950). *Memorandum by the Central Intelligence Agency to the President 1950*. NSC-CIA File, Box 1, Harry S. Truman Library, Independence, Missouri.
- Kent E. Calder (2009). *Pacific Alliance Reviving US - Japan Relations*. Yale University Press, New Haven & London, tr. 1.
- Kim, Nam G (1995). *US - Japan Relations during the Korean War*. Doctor of History, University of North Texas, p. 78
- Intelligence Estimate Report (1950). *Foreign Relations: 1950*. Vol. 7, p. 151.
- Irie Akira (2013). *Ngoại giao Nhật Bản (từ Minh trị Duy tân đến hiện đại)*. NXB Tri thức, tr. 227.
- Phan Ngọc Liên (chủ biên) (1995). *Lịch sử Nhật Bản*. Hà Nội: NXB Văn hoá - Thông tin.
- Vũ Dương Ninh (chủ biên) (2006). *Một số chuyên đề lịch sử thế giới*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Trương Tiểu Minh (2002). *Chiến tranh lạnh và di sản của nó*. Hà Nội: NXB Chính trị quốc gia.
- Peter Calvocoressi (2007). *Chính trị thế giới sau năm 1945*. Hà Nội: NXB Lao Động, tr. 91.



- Lê Văn Quang (1997). *Lịch sử Nhật Bản*. Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQG TP. Hồ Chí Minh, tr. 240.
- Lê Văn Quang (1993). *Quan hệ quốc tế ở Đông Á trong lịch sử (Trung Quốc - Triều Tiên - Nhật Bản)*. Trường Đại học Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh.
- Từ Thiên Tân, Lương Chí Minh (chủ biên) (2002). *Lịch sử thế giới, tập 6: Thời đương đại (1945-2000)*. NXB Thành phố Hồ Chí Minh, tr. 297.
- Nguyễn Anh Thái (chủ biên) (2005). *Lịch sử thế giới hiện đại*. NXB Giáo dục, tr. 239.

## SUMMARY

### IMPACT OF THE KOREAN WAR (1950-1953) ON JAPAN AND JAPANESE - US RELATIONSHIP IN 1951-1960

**Hoang Thi Mai Hương<sup>(1)</sup>, Le The Cuong<sup>(2)</sup>**

<sup>1</sup> *Hung Yen Community College*

<sup>2</sup> *Vinh University*

Received on 07/5/2022, accepted for publication on 13/6/2022

The Korean War (1950-1953) was one of the hot spots of the Cold War. Japan is a neighboring country with North Korea, which has an important strategic position in the Asia-Pacific, also has a special relationship with the United States. For these reasons, it has suffered many impacts from this war. This article will deeply analyze the multi-dimensional impacts of the Korean War on the security, politics, economy of Japan and Japan-US relations in the period 1951-1960. As a result, this article shows that the Korean War was the basis for the US to sign a peace treaty, a bilateral security treaty with Japan. This made the two countries' security and economic relations develop and become more closely linked, clearly change the Japanese economic situation in the early stages and create the basis for Japan to take off in the 1950s.

**Keywords:** Korean War; Japanese - US relationship; Japan; US; 1951-1960.